

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 29-6-2023
“V/v Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà

2. Bà Dương Thị Được

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2023, về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Uyên Tr, sinh năm: 1972; địa chỉ: khu phố H, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn K, sinh năm: 1980; địa chỉ: khu phố H, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Bà Tr, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Uyên Tr trình bày:

Bà và ông K sống chung với nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến về mọi mặt, không hiểu nhau nên thường xuyên gây gổ, cãi vã dẫn đến không thể hàn gắn nên bà Tr và ông

K đã ly thân năm 2009 đến nay. Nay, tình cảm không còn nên bà Tr yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà Tr và ông K là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2003; Con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, bà Tr yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất 167 và 165 tờ bản đồ 41 thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ. Ngày 08/6/2023, bà Tr có đơn rút yêu cầu khởi kiện về vấn đề này. Nay bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn K trình bày:

Ông K thống nhất với lời trình bày của bà Tr về thời gian chung sống vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông và bà Tr sống chung với nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà sinh sống hạnh phúc nhưng sau đó chỉ một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến về mọi mặt, không hiểu nhau nên thường xuyên gây gỗ, cãi vã và không thể hàn gắn nên đã ly thân năm 2009 đến nay. Nay, ông cũng không còn tình cảm với bà Tr nên ông đồng ý yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2003. Con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Ki mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Uyên Tr và bị đơn ông Nguyễn K đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật và đều có đơn xin xét xử mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Uyên Tr yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn K là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tr và ông K; về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2003. Con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Uyên Tr yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn K, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227. 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Uyên Tr và ông Nguyễn K tự nguyện chung sống từ năm 1999. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn nên xác định không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp mà là chung sống với nhau như vợ chồng.

Theo lời trình bày của bà Tr, ông K thì nguyên nhân ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng là do điều kiện kinh tế khó khăn, không có hiểu biết về quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Mâu thuẫn trên kéo dài, không thể giải quyết được nên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà Tr nhận thấy việc sống chung không có hạnh phúc, cả hai đã không còn sống chung từ năm 2009 đến nay, hai bên đều không còn tình cảm với nhau và không muốn cùng nhau tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà đều cùng yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân phải trên cơ sở cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng hiện nay tình cảm giữa bà Tr ông K không còn; hơn nữa thời gian ông bà chung sống vợ chồng với nhau cũng đã lâu nhưng ông bà vẫn chưa đi đăng đi kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình, tuyên xử không công nhận bà Tr, ông K là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông K có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2003. Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Tr rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Uyên Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Uyên Tr và ông Nguyễn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Uyên Tr và ông Nguyễn K có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2003. Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Đình chỉ giải quyết chia tài sản chung do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Trần Thị Uyên Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010181 ngày 16/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Tr đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- THA huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung